TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Chính;

Ông La Minh Công;

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Minh Thế – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1974. Địa chỉ: tổ 10, khu phố 5, phường R, thành phố W, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt – ông L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt – theo đơn đề ngày 25/11/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn L sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 03/8/2004. Quá trình chung sống đến năm 2006, bà và ông L phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không biết quan tâm chăm sóc cho gia đình. Bà góp ý thì ông L kiếm chuyện gây gổ và đánh bà. Từ năm 2006 cho đến nay, bà và ông L đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2005. Từ khi vợ chồng không sống chung đến nay, con chung sống với bà, do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, bà đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Minh T. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng để bà nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Văn L không có khoản nợ chung nào.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022, bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Kim T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 03/8/2004. Quá trình chung sống đến năm 2006, ông và bà T phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính với nhau trong sinh hoạt hằng ngày nên thường cãi vã nhau. Từ năm 2006 cho đến nay, ông và bà T không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chung sống hành phúc được nên ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim T. Ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2005. Ông đồng ý để bà T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Minh T. Ông không cấp dưỡng để bà T nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Trần Thị Kim T không có nợ ai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 73, 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Trần Thị Kim T yêu cầu ly hôn, nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Đơn khởi kiện ghi ngày 17/11/2022 của bà Trần Thị Kim T được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Trần Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn L. Người bị kiện là ông Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại tổ 10, khu phố 5, phường R, thành phố W, tỉnh Bình Thuận, tuy nhiên, giữa ông L và bà T đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện H (là Tòa án nơi nguyên đơn – bà L cư trú) để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc xét xử vắng mặt: Ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo thủ tục quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn L đều trình bày quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn; từ năm 2006 cho đến nay, hai đương sự không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Bà Trần Thị Kim T yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Văn L cũng đồng ý ly hôn với bà T.

[6] Về yêu cầu ly hôn: Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim T theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa.

[7] Về con chung: Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn L xác định có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2005. Bà Trần Thị Kim T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T từ năm 2006 cho đến nay, bà T có nguyện vọng được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con. Ông Nguyễn Văn L cũng đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Minh T. Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022, cháu Nguyễn Minh T cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Trần Thị Kim T.

[8] Về cấp dưỡng cho con: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Trần Thị Kim T được quyền trực tiếp nuôi con là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/9/2005. Bà Trần Thị Kim T có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn L hoặc người nào đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Nguyễn Minh T phải giao lại cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không do mình trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên khác trong gia đình bà T không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006738 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật*).

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- UBND xã Y, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội